

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249A/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Trí;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2020; Quyết định hoãn phiên Tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 đều của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn L.S, thị trấn L.S, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đức L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn L.S, thị trấn L.S, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức L kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, tổ chức cưới vào năm 2002 nhưng đến ngày 14/3/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L.S, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa .

Sau khi cưới vợ chồng sống và làm ăn sinh sống tại thị trấn L.S, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L hay chửi bới, đánh đập chị, việc anh L đánh đập chị nhiều lần gây ảnh hưởng tâm lý đến các con, việc học tập của các cháu. Nhiều lần gia đình, anh chị em, bạn bè hòa giải, khuyên nhủ nhưng anh L không thay đổi, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Nay chị không thể chịu đựng được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Đức K, sinh ngày 16/5/2004 và cháu Vũ Như Q, sinh ngày 14/10/2011.

Khi ly hôn, nguyện vọng của chị T được nuôi cả hai con, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, anh Vũ Đức L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L.S vào ngày 14/3/2016. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh công nhận có đánh vợ, tuy nhiên anh vẫn đang còn tình cảm với chị T và thương các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L công nhận vợ chồng có 2 con chung là Vũ Đức K, sinh ngày 16/5/2004 và Vũ Như Q, sinh ngày 14/10/2011. Khi ly hôn, anh L có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T muốn nuôi được cả 2 con thì anh đồng ý và anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ, tổng là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/8/2020 các cháu Vũ Đức K và Vũ Như Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn, chị Trần Thị T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con; Bị đơn anh Vũ Đức L có địa chỉ cư trú tại thị trấn L.S, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vũ Đức L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L.S, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/3/2016 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nhiều lần anh L

đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình, anh em bạn bè nhiều lần khuyên nhủ, hòa giải nhưng anh L không thay đổi mà vẫn thường xuyên dọa dẫm, đánh đập chị. Anh L cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh có đánh đập chị T. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Vũ Đức L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Vũ Đức K, sinh ngày 16/5/2004 và Vũ Như Q, sinh ngày 14/10/2011.

Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự: Chị T và anh L đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên cháu Vũ Đức K và cháu Vũ Như Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại phiên tòa, anh L đồng ý giao cả hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000đ. Tổng là 2.000.000đ/tháng, kể từ nay cho đến khi các cháu trưởng thành. Cần chấp nhận sự tự nguyện trên của anh L.

[4]. Về tài sản và công nợ: Hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị T, anh Vũ Đức L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147; Các Điều 266, 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Đức L.

- *Về con chung:* Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Vũ Đức K, sinh ngày 16/5/2004 và Vũ Như Q, sinh ngày 14/10/2011.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ. Tổng là 2.000.000đ/tháng, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và công nợ:* Hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí:*

Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0007347 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị T đã nộp đủ.

Anh Vũ Đức L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- UBND TT L.S, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng